TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĨNH GIA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2017/HSST
Ngày: 16/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Học
2. Bà Lường Thị Nhung

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trịnh Huy Thuận – Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia

Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia tham gia phiên toà: Ông Hoàng Anh Đấu - Kiểm sát viên

Ngày 16 /8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/ HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Lê Đình Q - Sinh năm 1995; Nơi ĐKHKTT: xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Con ông: Lê Đình D; Con bà: Mai Thị T; Tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/05/2017 đến ngày14/05/2017, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị Vũ Thị N (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết và có nhu cầu tìm việc làm nên ngày 18/4/2017, Lê Đình Q gọi điện cho anh Phan Văn T, trú tại thôn Đ, xã L, huyện G, tỉnh Thanh Hóa để xin đi làm cùng. Anh T bảo với Q nếu muốn thì đi xuống nhà ông Nguyễn Đức T, ở thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Thanh Hóa khoan giếng với mình. Nghe vậy, Q rủ anh Nguyễn Xuân K, trú tại thôn H, xã M, huyện G, tỉnh Thanh Hóa đi cùng Q

xuống nơi anh T đang khoan giếng. Đến nơi, Q xin mọi người cho làm cùng thì được mọi người đồng ý.

Chiều ngày 19/4/2017, sau khi nghỉ làm, Q cùng K đi chơi đến khoảng 22 giờ thì quay lại nhà ông Nguyễn Đức T. Về đến nơi, K ngồi lên giường chơi điện thoại còn Q đi thay quần áo để làm máy. Trong lúc làm việc, Q muốn đi vệ sinh mà trời lại tối nên mượn đèn pin của anh T lúc này đang nằm ở võng cạnh đó rồi đeo lên đầu và đi về phía nhà vệ sinh của gia đình ông T. Khi đi qua khu vực sân, Q thấy chiếc xe mô tô của chị Vũ Thị N, là con dâu của ông T đang dựng ở sân nên tiến lại xem, thấy cốp xe đang mở, bên trong có chiếc ví màu đỏ, hình chữ nhật của chị N, Q cầm lấy chiếc ví và đi vào nhà vệ sinh của nhà ông T. Trong nhà vệ sinh, Q mở chiếc ví ra thì thấy bên trong có số tiền là 6.500.000đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* và một số giấy tờ cá nhân của chị N. Q lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần, để lại chiếc ví cùng các giấy tờ ở trong nhà vệ sinh rồi đi ra ngoài tiếp tục làm việc. Sau đó, do trời đã khuya, khi anh K nói muốn đi về nhà thì Q bảo anh K cho mình về cùng về để giải quyết việc cá nhân. Trên đường về, Q bảo anh K mình mới vay được 10.000.000đ và nhờ anh K chở mình đến nhà anh Nguyễn Viết Đ, ở thôn V, xã N, huyện G, tỉnh Thanh Hóa để chuộc lại chiếc xe mô tô đã cầm cố trước đó với số tiền 3.100.000đ. Số tiền còn lại, Q tiêu xài cá nhân hết.

Về phần dân sự: Bố mẹ của Lê Đình Q đã trả lại cho chị Vũ Thị N số tiền 6.500.000đ, Chị N không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tình tiết nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VKSND huyện G truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung trên.

Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về dân sự: Tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, không có đề nghị gì, nên không xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời thú nhận của bị cáo tại phiên toà hôm nay đúng như những lần khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Khoảng 22 giờ ngày 19/4/2017,

tại gia đình chị Vũ Thị N, Lê Đình Q đã có hành vi trộm cắp số tiền 6.500.000đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Đình Q phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là đúng đắn. Trong vụ án này, bị cáo do không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, mục đích tham lam tư lợi, nên đã sa vào con đường phạm tội. Bị cáo Q lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản không trông giữ cẩn thận, đã lén lút để chiếm đoạt tài sản.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và còn làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q đã thành khẩn khai báo ; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã tự nguyện trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Bị cáo ra đầu thú; (áp dụng các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện lượng khoan hồng của pháp luật.

Xét nhân thân bị cáo: Lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo trong môi trường sống bình thường nên chưa cần cách ly xã hội cũng đủ giáo dục thành người tốt. Nên áp dụng Điều 31 BLHS xử phạt cải tạo không giam giữ , để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người tốt. Cần khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Tại phiên toà bị cáo khai làm nghề lao động tự do có mức thu nhập trung bình là 4.500.000$^{đ/}$/tháng. Đây là cơ sở để khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo khi áp dụng Điều 31 BLHS. Bị cáo bị tạm giữ 03 (ba) ngày nên được trừ theo quy định pháp luật, 1 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ.

Phần dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho chủ sở hữu, không có yêu cầu gì nên tòa án không xem xét.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự. Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình Q 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương xã N, huyện G, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương xã N, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 31 BLHS, khấu trừ thu nhập của bị cáo như sau: 4.500.000/ tháng x 5% x 6 tháng = 1.350.000^{đ} (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền phạt được nộp một lần. Nếu bị cáo chậm nộp tiền thì kể từ khi Chi cục Thi hành án Dân sự huyện G ra quyết định thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^{đ} (Hai trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Người có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Cơ quan THA huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Thị Hà